

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 10 - 2019
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhân,

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Văn Anh Trình,

2. Ông Lê Văn Đặng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Ngọc Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Đức, Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 92/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXX-ST ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Y, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình,

Địa chỉ tạm trú: Khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Thế U', sinh năm: 1976;

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 01 tháng 8 năm 2019, được bổ sung tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Võ Thị Y trình bày: Chị và anh Lê Thế U' tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Q vào ngày 06-12-2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với bố mẹ anh U' tại thôn N, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng chung

sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh U rượu chè về gây gổ, đánh đập, không có trách nhiệm với vợ con. Đến năm 2011, Chị bỏ nhà đi làm ăn, anh U vẫn sống tại thôn N, xã H, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm gì đến ai, cũng không liên lạc gì với nhau. Năm 2015, Chị đã làm đơn xin ly hôn anh U nhưng để tạo cho anh U thêm cơ hội sửa chữa, thiếu sót nên Chị đã rút đơn, đến bây giờ anh U vẫn không thay đổi mà đã có người phụ nữa khác. Hiện nay, Chị xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn anh U.

Về con chung: Vợ chồng Chị có 02 con chung tên là Lê Thế N, sinh ngày 17-5-2001 và Lê Thế K, sinh ngày 02-11-2007.

Hiện nay, con Lê Thế Ng đã trưởng thành, con Lê Thế K đang sống với Chị. Sau khi ly hôn, Chị có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con Lê Thế K và không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng Chị có 01 ngôi nhà cấp 4, xây vào năm 2003, xây trên đất của bố mẹ anh U nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về phía bị đơn anh Lê Thế U, Tòa án đã triệu tập nhiều lần, nhưng anh U không đến Tòa án để trình bày việc chị Y xin ly hôn. Ngày 25 tháng 9 năm 2019, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai tại nhà anh Lê Thế U, địa chỉ: thôn N, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Anh nhất trí về quá trình tìm hiểu, kết hôn và chung sống như chị Y trình bày: Vợ chồng kết hôn vào ngày 06-12-2000, tại UBND xã A, huyện Q. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ Anh ở thôn N, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã nhau nên chị Y bỏ nhà đi sống nơi khác từ năm 2012 cho đến nay. Hiện nay, Anh xét thấy tình cảm không còn chị Y xin ly hôn Anh cũng nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Lê Thế N, sinh ngày 17-5-2001 và Lê Thế K, sinh ngày 02-11-2007. Hiện nay, con Lê Thế N đã trưởng thành, con Lê Thế K đang sống với chị Y. Sau khi ly hôn, Anh có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con Lê Thế K, còn con muốn ở với ai thì tùy quyền quyết định của con; nếu con ở với chị Y, Anh sẽ không cấp dưỡng tiền nuôi con, con ở với Anh thì Anh không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện từ thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng quy định tại Điều 39, 48, 49, 68, 93, 95, 96, 97, 195, 196, 203, 204, 208, 209, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 53, 54 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đương sự chấp hành pháp luật đúng quy định tại Điều 68, 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy đề nghị Hội đồng xét

xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Y, xử cho chị Y được ly hôn anh U; về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình xử giao con cho chị Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; về tài sản chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả hỏi, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, bị đơn cư trú tại thôn N, xã H, huyện Q, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Y và anh Lê Thế U lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, như vậy hôn nhân của Anh Chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng đã nảy sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, không quan tâm lẫn nhau. Hai người đã sống ly thân từ tháng từ năm 2011 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị Y, anh U đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình nên chị Y xin ly hôn anh U cũng đồng ý. Do điều kiện công việc nên chị Y và anh U đều làm đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y.

[3] Về nuôi con chung: Chị Võ Thị Y và anh Lê Thế U thống nhất có 02 con chung tên là Lê Thế N, sinh ngày 17-5-2001 và Lê Thế K, sinh ngày 02-11-2007.

Hai bên thống nhất con Lê Thế N đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với con Lê Thế K cả chị Y và anh U đều có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con, thể hiện trách nhiệm của bố mẹ đối với con cái. Xét thấy, cháu K hiện đang sống với mẹ tại tỉnh Bình Dương, cần sự chăm sóc của mẹ hơn, mặt khác cháu K cũng có nguyện vọng được ở với mẹ phù hợp với ý kiến của anh U. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Y.

[4] Về chia tài sản chung: Chị Võ Thị Y trình bày vợ chồng có 01 ngôi nhà cấp 4, xây vào năm 2003, xây trên đất của bố mẹ anh U nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Anh trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp về tài sản các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Võ Thị Y phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Xử lý ly hôn giữa chị Võ Thị Y và anh Lê Thế U'.

2. Về nuôi con chung: Áp dụng các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Xử lý giao cháu Lê Thế K, sinh ngày 02-11-2007 cho chị Võ Thị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ tháng 10/2019 cho đến khi cháu K trưởng thành (tròn 18 tuổi). Anh U' không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Võ Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Y đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án huyện Quảng Ninh theo biên lai số AA/2017/0004802, ngày 14 tháng 8 năm 2019.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Võ Thị Y, anh Lê Thế U' có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã A;
- Lưu VP, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA